

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2025/HSST

Ngày: 15/01/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Tiến Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Ngọc Phương.

Ông Hoàng Trung Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Hiền -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu tham gia phiên tòa: Ông Bạc Cẩm Hưng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05/11/2024, 08/01/2025 và 15/01/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuận Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2024/TLST-HS ngày 01/10/2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HS ngày 22/10/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/HSST-QĐ ngày 05/11/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2024/HSST-QĐ ngày 12/11/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2024/HSST-QĐ ngày 26/11/2024; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 02/2024/TB-TA ngày 25/12/2024 đối với các bị cáo:

1. Quàng Văn P; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1994 tại xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản N, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Quàng Văn L, sinh năm: 1977 và bà Cà Thị H, sinh năm: 1976; Bị cáo có vợ: Cà Thị D, sinh năm: 1996 và 02 con lớn 12 tuổi, nhỏ 10 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2024 cho đến nay, có mặt.

2. Quàng Văn D; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1998 tại xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản N, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Quàng Văn L, sinh năm: 1977 và bà Cà Thị H, sinh năm: 1976; Bị cáo có vợ: Lò Thị K, sinh năm: 2002 và 02 con lớn 5 tuổi nhỏ 4 tuổi; Tiền án : Không; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Quàng Văn P:** Ông Điều Chính Tùng - Trợ giúp viên thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sơn La, có mặt.

*** Bị hại:**

1. Anh **Quàng Văn L**; Sinh năm: 1994; Nơi cư trú: Bản Lọng Cu, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt, vắng mặt.

2. Anh **Lò Văn B**; Sinh năm: 1996; Nơi cư trú: Bản N, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt, vắng mặt.

* **Giám định viên:** Ông **Trần Văn Bình** - Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Sơn La, vắng mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (Đồng thời là người làm chứng):** Chị **Lường Thị N**; Sinh năm: 1999; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 20/01/2024, Quàng Văn P cùng với em trai ruột là Quàng Văn D ngồi uống bia tại quán chị Lường Thị N tại ngã ba bản B, xã B, huyện Thuận Châu. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, P và D di chuyển sang quán bia nhà chị Lò Thị Chiêng (*cách quán nhà chị Lường Thị N khoảng 30 mét*) thì gặp anh Quàng Văn L và Lò Văn B. Tiếp đó, P và D ngồi uống bia với anh L và anh B một lúc thì P đứng dậy trước điều khiển xe mô tô của P đi mua xăng, còn D, anh L và anh B vẫn ngồi uống bia với nhau. Mua xăng xong, P quay lại thì thấy D đang ngồi uống bia với anh L và anh B ở bên quán nhà chị Nhất nên đi vào quán bảo D về. Lúc này anh L rót cho P một cốc bia bảo P mời mọi người một cốc rồi về. P đồng ý, đang cầm cốc bia mời mọi người thì Quàng Văn D, sinh năm 1991, trú tại bản L, xã B, huyện Thuận Châu đi xe mô tô đến (*trước đó, D đã ngồi uống bia với L và B trước khi P và D đến*). Do đứng phía sau nên anh D không thấy được mặt P và nhầm tưởng P là anh L nên anh D đi đến đứng bên phải và tát đũa một cái vào má P. P quay người sang hỏi anh D “*Sao anh lại tát tôi*” thì anh D trả lời “*Tao tưởng mày là thằng L*”. Do bức tức nên P dùng tay trái tát một phát vào mặt anh D và cầm cốc bia bằng nhựa trên tay phải đập một phát trúng vào đầu anh D. Thấy vậy, D đứng dậy kéo anh D ra ngoài và bảo anh D đi về. Anh L đang ngồi, thấy D kéo anh D ra ngoài đã hiểu nhầm D đánh anh D nên đứng dậy chạy lại túm cổ áo D và nói “*Mày đánh bạn tao à*”. D cũng dùng tay túm cổ áo anh L nhưng không nói gì, sau đó cả hai giằng co và kéo nhau ra ngoài đường. P thấy vậy nói lại với anh L “*D nó không đánh, người đánh là tao*” đồng thời cầm chìa khóa trên tay lao vào đâm, chọc nhiều phát trúng vào mặt anh L. D cũng dùng tay đâm vào người, vào mặt anh L nhiều phát. Anh B thấy anh L bị P và D đánh nên cũng lao vào giúp anh L đánh lại P và D. Anh B dùng tay đâm vào người, mặt P và D. Lúc này, cả bốn người đánh nhau. P dùng chìa khóa xe mô tô đâm, chọc nhiều phát trúng vào mặt anh L và anh B, D dùng tay đâm anh L và anh B, anh L và anh B dùng tay đánh vào mặt, người P và D. Sau đó, bốn người tách ra, P đánh nhau với anh B, còn anh L đánh nhau với D. Thấy anh L bị D đánh ngã trên mặt đường nên P nhặt một

viên gạch bên lề đường loại gạch đất nung đỏ chạy đến đập một phát trúng vào đầu anh L. Sau đó, nhiều người dân đến can nên bốn người dừng đánh nhau, rồi P và D đi về nhà. Còn anh L và anh B được đưa đi khám tại Bệnh viện đa khoa cuộc sống tỉnh Sơn La.

Sau khi sự việc xảy ra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu đã phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành khám hiện trường; thu giữ vật chứng L quan và trưng cầu giám định thương tích:

* Kết quả khám nghiệm hiện trường phù hợp với lời khai của các đối tượng, người chứng kiến. Quá trình khám nghiệm hiện trường, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành tạm giữ vật chứng, gồm:

- 01 viên gạch màu đỏ, bị vỡ mép đầu, làm bằng đất nung dùng để xây nhà. Viên gạch có chiều dài 20,0 cm, chiều rộng 10,0 cm, dày 5,0 cm, khối lượng 1,6kg là vật chứng Quàng Văn P sử dụng để đánh, gây thương tích cho L.

- 01 chiếc cốc bằng nhựa, màu trắng, có quai cầm, đường kính miệng cốc 8,0 cm, đường kính đáy cốc 6,0 cm, cốc cao 12,0 cm là vật chứng Quàng Văn P sử dụng để đánh Quàng Văn D.

- Đối với chiếc chìa khóa xe mô tô theo P khai nhận có đặc điểm dài khoảng 5,0cm, cán chìa khóa bằng nhựa cứng màu đen, thân chìa khóa bằng kim loại, hình dạng dẹt, có hình dạng răng cưa hai bên. P sử dụng để đánh gây thương tích cho L và B nhưng bị rơi tại khu vực hiện trường. Kết quả truy tìm vật chứng không phát hiện chiếc chìa khóa như trên. Ngày 05/6/2024, tại Công an huyện Thuận Châu, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Quàng Văn P nhận dạng hình ảnh đối với 05 loại chiếc chìa khóa mô tô, xe máy khác nhau, P đã nhìn trực tiếp và chỉ ra 01 chiếc chìa khóa xe mô tô dài khoảng 05 cm, cán nhựa màu đen, thân chìa bằng kim loại dẹt và có răng cưa hai bên giống với đặc điểm chiếc chìa khóa mà P sử dụng để gây thương tích.

* Kết quả trưng cầu giám định thương tích:

- Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 45/KLTTCT-TTPY ngày 29/01/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Sơn La, kết luận: “*Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Quàng Văn L tại thời điểm giám định là 23%*”. Cơ chế hình thành thương tích vùng đầu, mặt của Quàng Văn L là do tác động của vật tày, cứng, diện tiếp xúc giới hạn gây nên.

- Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 46/KLTTCT-TTPY ngày 29/01/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Sơn La, kết luận: “*Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Lò Văn B tại thời điểm giám định là 19%*”. Cơ chế hình thành thương tích vùng đầu, mặt của Lò Văn B là do tác động của vật tày, cứng, diện tiếp xúc giới hạn gây nên.

- Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 96/KLTTCT-TTPY ngày 01/3/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Sơn La, kết luận: “*Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Quàng Văn D tại thời điểm giám định là 03%*”. Cơ chế hình thành thương tích vùng mặt của Quàng Văn D là do tác động của vật tày, cứng gây nên.

Đối với hành vi của Quảng Văn P: P đã có hành vi dùng chìa khóa xe mô tô, thân chìa bằng kim loại, hình dạng dẹt, có răng cưa, mũi chìa nhọn là hung khí nguy hiểm đâm, chọc vào vùng mặt của anh Quảng Văn L và anh Lò Văn B, ngoài ra P còn dùng 01 viên gạch loại gạch đất nung đỏ dùng để xây nhà, kích thước dài 20,0cm, rộng 10,0cm, dày 5,0cm cũng là hung khí nguy hiểm đập một phát trúng đầu anh Quảng Văn L, quá trình điều tra xác định P nhằm đập vào phần lưng của L nhưng trúng phần đầu L do L ngã, ngồi dậy và cường độ lực đập không mạnh. Hậu quả anh L bị thương tích với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 23%, trong đó tổn thương vùng đầu xếp 02%, tổn thương vùng mặt xếp 21%; Anh B bị thương tích vùng mặt với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 19%. Do đó, hành vi của Quảng Văn P đủ yếu tố cấu thành tội phạm Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Đối với hành vi của Quảng Văn D: Khi thấy P tấn công anh L, anh D đã có hành vi cùng P dùng tay đánh L tiếp vào người, mặt của anh Quảng Văn L và anh Lò Văn B. Việc P đánh anh L và anh B là bột phát không có sự bàn bạc, thống nhất giữa P và D về giới hạn hành vi, hậu quả, đối tượng tác động. Hậu quả xảy ra đến đâu thì P và D phải chịu trách nhiệm hình sự đến đó. Việc P sử dụng chìa khóa và viên gạch là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho anh L và anh B là bột phát, D không biết. Do đó, Quảng Văn D, Quảng Văn P phải chịu trách nhiệm về hậu quả chung việc gây thương tích cho anh L và anh B. Quảng Văn D không phải chịu trách nhiệm về việc dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cùng với Quảng Văn P. Hành vi của Quảng Văn D đủ yếu tố cấu thành tội phạm Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

*Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Sau khi vụ việc xảy ra thì Quảng Văn P, Quảng Văn D đã chủ động thỏa thuận và L đòi bồi thường các khoản tiền viện phí, mất thu nhập, tổn thất tinh thần..... cho bị hại anh Quảng Văn L với tổng số tiền: 20.000.000 đồng, bị hại anh Lò Văn B với tổng số tiền: 20.000.000 đồng. Bị hại anh Quảng Văn L, Lò Văn B đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu bị cáo Quảng Văn P, Quảng Văn D bồi thường chi phí gì khác và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Quảng Văn P, Quảng Văn D.

Tại bản cáo trạng số: 168/CT-VKS-TC ngày 01/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu đã truy tố Quảng Văn P về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự. Đã truy tố Quảng Văn D về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Ngày 05/11/2024 Hội đồng xét xử Tòa án nhân huyện Thuận Châu hoãn phiên tòa đồng thời ra Thông báo bổ sung tài liệu chứng cứ số: 06/2024/TB-TA yêu cầu bổ sung các tài liệu chứng cứ sau:

- Tiến hành điều tra làm rõ bị cáo Quảng Văn P, Quảng Văn D đánh anh L, anh B ở tư thế như thế nào, vị trí gây thương tích. Có tách biệt được bị cáo nào gây ra vết rách da, xây xước bầm tím hay không. Bị cáo P dùng hung khí đánh từng bị hại và gây vết thương ở đâu. Bị cáo D dùng tay không đánh từng bị hại và gây vết thương ở đâu?

- Tiến hành điều tra làm rõ giữa bị cáo Quảng Văn P và bị cáo Quảng Văn D ai là người gây ra đối với thương tích vết xước da, vết bầm tụ máu, vết rách da, xây xước da đối với từng bị hại.

- Tiến hành điều tra làm rõ bị cáo D chỉ dùng tay không đánh hai bị hại, bị cáo đánh ở cường độ như thế nào có là nguyên nhân gây rách da, xây xước được không?

Để có căn cứ xác định việc gây thương tích của từng bị cáo cho bị hại, Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La làm Công văn số: 02/2024/CV-TA ngày 16/12/2024 đề nghị Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Sơn La giải thích các Kết luận giám định trên như sau:

- Căn cứ vào nội dung vụ án và Quyết định số: 97/QĐ-ĐTTH ngày 25/01/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu đề nghị Trung tâm pháp y xác định tỷ lệ % thương tích và cơ chế hình thành thương tích kèm theo Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể bị hại Quảng Văn L, Lò Văn B. Đề nghị Trung tâm pháp y tỉnh Sơn La xác định: Tách riêng tỉ lệ gây thương tích của bị cáo Quảng Văn P (dùng hung khí nguy hiểm) gây thương tích cho bị hại bao nhiêu %? và việc bị cáo Quảng Văn D (dùng tay đánh) gây thương tích cho bị hại Quảng Văn L và Lò Văn B bao nhiêu %?. Trường hợp không thể tách được tỷ lệ phần trăm phần gây thương tích của từng bị cáo thì nêu rõ lý do, căn cứ.

- Theo bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 45/KLTTCT-TTPY và số: 46/KLTTCT-TTPY ngày 29/01/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Sơn La, đều kết luận: Cơ chế hình thành thương tích vùng đầu, mặt của Quảng Văn L, Lò Văn B “***là do tác động của vật tày, cứng, diện tiếp xúc giới hạn gây nên***”.

- Bị cáo Quảng Văn D (dùng tay đánh), đề nghị Trung tâm pháp y tỉnh Sơn La giải thích rõ việc Quảng Văn D dùng tay đánh có phải là do tác động của vật tày, cứng, diện tiếp xúc giới hạn gây nên hay không?.

Ngày 07/11/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu đã có công văn số: 699/VKS - TC trả lời về Kết quả thu thập chứng cứ theo Thông báo yêu cầu bổ sung tài liệu chứng cứ của Tòa án như sau:

* **Thứ nhất:** Hai bị cáo Quảng Văn P, Quảng Văn D đánh anh Quảng Văn L, anh Lò Văn B chủ yếu là ở tư thế đứng, động tác (***đấm, đá***), riêng bị cáo P dùng (***01 chìa khóa xe máy***) gây ra thương tích, tổn thương cơ thể ở các vị trí phần đầu, phần mặt của anh L, anh B. Cụ thể:

+ Anh Quảng Văn L (tỷ lệ tổn thương cơ thể: 23 %) gồm có: 02 vết thương rách da trên đỉnh đầu do bị cáo P dùng gạch đánh trúng (***Khi bị cáo D đánh, vật lộn với anh L thì anh L bị D vật ngã ra đường. Lúc anh L nhồm người dậy thì bị P có nhặt 01 viên gạch bị vỡ mép đầu trên tay chạy đến đập theo***

hướng từ trên xuống dưới, chéo từ phải qua trái vào phần lưng anh L nhưng lại trúng vào đầu anh L); Trán: 01 vết thương trán phải, 01 vết thương trán trái; 01 vết thương má phải; 01 vết thương sống mũi; 01 vết thương tai phải; 01 vết thương gò má; 02 vết thương má trái. Các vết xây xước trên tai, mặt anh L do bị cáo P dùng chìa khóa, dùng tay đánh, đấm và bị cáo D dùng tay đánh, đấm anh L.

+ Anh Lò Văn B (tỷ lệ tổn thương cơ thể: 19 %) gồm: Tai: Đỉnh vành tai phải, hốc tai phải, trán đều có vết xây xước da; Vành tai trái, thái dương phải - trái đều có vết xây xước da; Mắt: hốc mắt phải, trái bầm tím, xuất huyết; Mũi: cánh mũi phải xây xước; Miệng: mép môi trái xây xước. Các dấu vết trên là do bị cáo P dùng chìa khóa, tay đánh, đấm anh B và bị cáo D dùng tay đánh, đấm anh B.

+ Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể (*các vết trầy da, xây xước, bầm tím*) của anh L, anh B thì đều do các bị cáo P, D gây ra. Còn các vết rách da, vết xây xước của anh L, anh B thì do bị cáo P gây ra nhiều hơn bị cáo D do bị cáo P dùng hung khí (chìa khóa). Tuy nhiên, không thể tách biệt, tính riêng được phần trăm tổn thương của mỗi bị hại cho từng bị cáo. Bởi vì các bị cáo chỉ nhớ chung chung là gây thương tích phần đầu, phần mặt cho các bị hại; các bị cáo, các bị hại đều không nhớ số lần đánh, đấm, tác động qua lại. Các bị cáo cũng không nhớ đã gây ra cho từng bị hại những vết thương cụ thể, rõ ràng ở đâu, ở bộ phận, vị trí nào (*như: Tai, trán, mắt, mũi, miệng...*). Bên cạnh đó, các bị cáo, các bị hại đánh nhau lộn xộn, đều trong tình trạng say rượu, bia, đầu óc không được tỉnh táo, minh mẫn, không làm chủ được bản thân (*cử chỉ, hành động, lời nói...*). Mặt khác, sự việc xảy ra ban đêm, trời tối, ánh sáng đèn điện của quán, của một số nhà dân hai bên đường thì mờ, yếu, không nhìn thấy rõ mọi diễn biến xung quanh. Do vậy, không thể tách riêng thương tích của từng người nên các bị cáo P, D phải chịu chung về thương tích của anh L, anh B. Ngoài ra, các bị cáo, các bị hại đều nhất trí với kết quả giám định của cơ quan chuyên môn (Trung tâm pháp y tỉnh Sơn La).

* **Thứ hai:** Do bị anh Quàng Văn L túm cổ áo, không buông ra nên bị cáo Quàng Văn D đã bực tức, dùng hai tay đấm phần đầu, mặt anh L trước. Thấy bị cáo D đánh anh L nên anh B lao vào đánh bị cáo D. Thấy bị cáo D bị anh B đánh nên bị cáo P lao vào đánh anh B. Hai bên đánh nhau lộn xộn, hoán đổi vị trí, bị cáo D tiếp tục dùng tay đánh, đấm phần đầu, mặt anh B được một lúc, rồi bị cáo D vật lộn với L; còn bị cáo P và anh B vật lộn nhau, đánh riêng. Sau đó, khi bị cáo D vật anh L ngã ra đường thì anh L ngồi dậy thì bị P nhặt 01 viên gạch trên lề đường đập vào phần lưng anh L thì lại trúng phần đỉnh đầu anh L. Là phù hợp với các Bản tự khai; Biên bản ghi lời khai; Biên bản hỏi cung bị can; Biên bản đối chất giữa các bị cáo và các bị hại; các lời khai người chứng kiến, người biết việc; người có L quan; phù hợp Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường; Biên bản nhận dạng vật chứng (*chìa khóa xe máy*) và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo Quàng Văn P: Tay phải cầm chìa khóa xe máy đâm, chọc lúc quơ đi quơ lại theo nhiều chiều hướng khác nhau; lúc thì thẳng, lúc thì từ ngang từ phải qua trái (*và ngược lại*), lúc thì từ trên xuống dưới (*và ngược lại*) trúng vào phần

mặt, phần đầu của anh Quảng Văn L, anh Lò Văn B nên tạo ra một số vết rách da, xây xước; còn tay trái của bị cáo P thì đâm trúng vào phần mặt, phần đầu anh L, anh B tạo một số vết bầm tím, sưng nề, tụ máu. Ngoài ra, trong lúc đánh anh L, anh B bị ngã trên mặt đường thì bị cáo P có nhặt 01 viên gạch vỡ một góc đập vào phần lưng anh L nhưng do anh L đứng dậy nên viên gạch đã trúng phần đầu anh L với lực không mạnh, chỉ để lại tỷ lệ thương tích 02 %. Những dấu vết trên là phù hợp với Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể anh L, anh B (ngày 25/1/2024) của Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu; Bản ảnh chụp cắt lớp vi tính của Bệnh viện đa khoa Cuộc sống đối với anh B (ngày 24/1/2024) và Kết luận giám định tỷ lệ thương tích của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La đối với anh L, anh B (ngày 29/1/2024).

Thứ ba: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa ngày 05/11/2024 Quảng Văn D khai: Trong quá trình đánh nhau, bị cáo Quảng Văn D dùng 02 tay đâm vào vùng mặt, vùng đầu của anh Quảng Văn L, anh Lò Văn B nhiều lần, nhiều phát với sức lực, cường độ mạnh, nhanh. Thể hiện ở việc bị cáo nắm tay đâm mạnh nhiều nhất vào vùng đầu, vùng mặt, vai của anh L, anh B; bị cáo D khẳng định khi đâm, đá anh L, anh B thì bị cáo nhìn thấy anh L, anh B bị bầm tím ở vùng mặt, vùng đầu phù hợp với lời khai của anh L, anh B và bị cáo P. Việc bị cáo D gây ra một số vết rách da, xây xước cho anh L, anh B thì bị cáo D không nhớ rõ, do bị cáo D say rượu, bia và trời tối. Còn trong quá trình bị cáo D vật lộn với anh L, anh B thì các đầu ngón tay của bị cáo D, tay anh L, anh B đều có móng tay nên có thể cào, cấu trúng nhau; khi các ngón tay nắm lại thì xương ngón tay nhô ra, cứng vẫn có thể gây xây xước, trầy da; bản thân bị cáo D cũng có vết bầm tím ở vùng mặt (*má phải xuất huyết; mắt phải, thương tích tỷ lệ: 3 %*). Các dấu vết thương tích trên là phù hợp với Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể anh L, anh B, bị cáo D (ngày 25/1/2024) của Cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu; Bản ảnh chụp cắt lớp của Bệnh viện đa khoa Cuộc sống đối với anh B (ngày 24/1/2024) và Kết luận giám định tỷ lệ thương tích của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La đối với anh L, anh B (ngày 29/1/2024) và bị cáo D (ngày 01/3/2024).

Thứ 4: Để có căn cứ giải quyết vụ án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tại phiên tòa ngày 05/11/2024 Kiểm sát viên đã đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa yêu cầu triệu tập Giám định viên giải thích xác định: Có tách riêng tỉ lệ gây thương tích của bị cáo Quảng Văn P (dùng hung khí nguy hiểm) gây thương tích cho bị hại bao nhiêu %? Việc bị cáo Quảng Văn D (dùng tay đánh) gây thương tích cho bị hại Quảng Văn L và Lò Văn B bao nhiêu %? Trường hợp không thể tách được tỷ lệ phần trăm phần gây thương tích của từng bị cáo thì yêu cầu giám định viên nêu rõ lý do, căn cứ? Cơ chế hình thành thương tích vùng đầu, mặt của Quảng Văn L, Lò Văn B “*là do tác động của vật tày, cứng, diện tiếp xúc giới hạn gây nên*”. Trong vụ án này, bị cáo Quảng Văn D (dùng tay đánh), yêu cầu giải thích rõ việc Quảng Văn D dùng tay đánh có phải là do tác động của vật tày, cứng, diện tiếp xúc giới hạn gây nên hay không?

* Ý kiến của giám định viên ông Trần Văn Bình tại phiên tòa ngày 08/01/2025: Tại thời điểm giám định Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Sơn La xác

định vùng đầu, vùng mặt của anh Quảng Văn L và anh Lò Văn B có nhiều vết thương đã đóng vảy, khô, các vết thương đang trong giai đoạn đóng vảy, khô, các vết thương có kích thước nhỏ, chiều dài 2cm trở xuống, chiều rộng từ 01cm trở xuống, do đó Trung tâm pháp y không thể xác định và tách riêng tỷ lệ % thương tích của Quảng Văn P, Quảng Văn D gây nên cho anh Quảng Văn L, anh Lò Văn B là bao nhiêu phần trăm. Trung tâm pháp y xác định cơ chế hình thành thương tích là do vật tày cứng, diện tiếp xúc giới hạn gây nên. Quảng Văn D dùng tay đánh anh Quảng Văn L, anh Lò Văn B được cho là vật tày cứng bởi vì: Tay chân con người cũng được coi là vật tày cứng nhưng chỉ ở một số vị trí: Khủy tay khi gấp, gót chân, mặt trước cẳng chân, bàn tay khi nắm lại các phần nhô ra cao nhất của phần xương ở phần khớp bàn ngón tay, các khớp L đốt ngón tay được xác định là vật tày cứng vì ở các vị trí này chỉ có một lớp da mỏng và bên dưới là nền xương cứng, còn các vị trí khác mà có nhiều phần mềm dưới da như gân, cơ, tổ chức mỡ có độ co giãn, đàn hồi tốt thì được coi là vật tày hoặc vật tày mềm. Do đó Kết luận giám định của giám định viên về cơ chế hình thành thương tích là hoàn toàn phù hợp với lời khai của Quảng Văn P, Quảng Văn D, anh Quảng Văn L, anh Lò Văn B.

Do vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu có đủ căn cứ để truy tố Quảng Văn P về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự. Đã truy tố Quảng Văn D về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự như phần Kết luận tại Cáo trạng số: 168 /CT- VKSTC ngày 01/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bị oan sai. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố theo bản Cáo trạng số: 168 /CT- VKSTC ngày 01/10/2024.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, Quảng Văn P, Quảng Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu đã truy tố và thừa nhận bản cáo trạng truy tố các bị cáo về tội Cố ý gây thương tích là đúng người, đúng tội.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, vai trò đồng phạm của các bị cáo, cũng như qua xem xét các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố các bị cáo Quảng Văn P, Quảng Văn D phạm tội: Cố ý gây thương tích.

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự; khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Quảng Văn P mức án 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/01/2025).

Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Quảng Văn P, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 134; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Quảng Văn D mức án từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 48 đến 60 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/01/2025).

Giao các bị cáo Quảng Văn P, Quảng Văn D cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục. Gia đình các bị cáo Quảng Văn P, Quảng Văn D có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 590 Bộ luật dân sự:

Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Quảng Văn P bồi thường các khoản tiền viện phí, mất thu nhập, tổn thất tinh thần..... cho bị hại anh Quảng Văn L với tổng số tiền: 15.000.000 đồng. Bị hại anh Quảng Văn L đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu bị cáo Quảng Văn P bồi thường chi phí gì khác.

Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Quảng Văn P bồi thường các khoản tiền viện phí, mất thu nhập, tổn thất tinh thần..... cho bị hại anh Lò Văn B với tổng số tiền: 15.000.000 đồng. Bị hại anh Lò Văn B đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu bị cáo Quảng Văn P bồi thường chi phí gì khác.

Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Quảng Văn D bồi thường các khoản tiền viện phí, mất thu nhập, tổn thất tinh thần..... cho bị hại anh Quảng Văn L với tổng số tiền: 5.000.000 đồng. Bị hại anh Quảng Văn L đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu bị cáo Quảng Văn D bồi thường chi phí gì khác.

Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Quảng Văn D bồi thường các khoản tiền viện phí, mất thu nhập, tổn thất tinh thần..... cho bị hại anh Lò Văn B với tổng số tiền: 5.000.000 đồng. Bị hại anh Lò Văn B đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu bị cáo Quảng Văn D bồi thường chi phí gì khác.

Chấp nhận việc chị Lương Thị N không yêu cầu bị cáo Quảng Văn P bồi thường một chiếc cốc bằng nhựa (loại cổ dùng để uống nước), màu trắng, có quai cầm, đường kính miệng cốc 8,0cm, đường kính đáy cốc 6,0 cm, cốc cao 12,0 cm đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Quảng Văn P.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tuyên tiêu hủy:

+ 01 viên gạch màu đỏ, bị vỡ mép đầu, làm bằng đất nung dùng để xây nhà. Viên gạch có chiều dài 20,0 cm, chiều rộng 10,0 cm, dày 5,0 cm, khối lượng 1,6kg.

+ 01 chiếc cốc bằng nhựa (loại cốc dùng để uống nước), màu trắng, có quai cầm, đường kính miệng cốc 8,0cm, đường kính đáy cốc 6,0 cm, cốc cao 12,0 cm đã qua sử dụng.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Quảng Văn P, Quảng Văn D.

* Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Quảng Văn P: Ông Điều Chính Tùng - Trợ giúp viên: Nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo Quảng Văn P đã nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ bị cáo phạm tội lần đầu chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình sinh sống làm ăn tại địa phương luôn chấp hành tốt đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã chủ động, tích cực L đới bồi thường thiệt hại, khắc phục toàn bộ hậu quả cho các bị hại với tổng số tiền là 30.000.000 đồng, bị cáo phạm tội do có phần lỗi của các bị hại, gia đình bị cáo hoàn cảnh khó khăn thuộc hộ nghèo và các bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Quảng Văn P: Nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, bản luận cứ bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo, lời đề nghị của các bị hại. Bị cáo xin lỗi các bị hại về hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, bị cáo rất ân hận đã nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Về án phí bị cáo là hộ nghèo có đề nghị và đơn xin miễn án phí.

Lời nói sau cùng của bị cáo Quảng Văn D: Nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, lời đề nghị của các bị hại. Bị cáo xin lỗi các bị hại về hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, bị cáo rất ân hận đã nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Về án phí bị cáo có đề nghị và đơn xin miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm

quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Đồng thời là người làm chứng) chị Lương Thị N tham gia tố tụng. Xét thấy trước đó đã có lời khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã công khai lời khai đó. Tại phiên tòa Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng đều đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 15/01/2025, vắng mặt bị hại anh Quảng Văn L, anh Lò Văn B tham gia tố tụng. Xét thấy trước đó đã có lời khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày 05/11/2024 bị hại anh Quảng Văn L, anh Lò Văn B tham gia phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng đều đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 15/01/2025, vắng mặt ông Trần Văn Bình - Giám định viên tham gia tố tụng. Xét thấy trước đó tại phiên tòa ngày 08/01/2025 đã tham gia phiên tòa và có đề nghị xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng đều đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo Quảng Văn P, Quảng Văn D nhận thấy: Ngày 20/01/2024 Quảng Văn P, Quảng Văn D, Quảng Văn L, Lò Văn B đang ngồi uống bia tại quán chị Lương Thị N thì anh Quảng Văn D đến. Do đứng phía sau nên D không thấy được mặt P và nhầm tưởng P là L nên D đi đến đứng bên phải và tát đũa một cái vào má P. P quay người sang hỏi D “Sao anh lại tát tôi” thì D trả lời “Tao tưởng mày là thằng L”. Do bức tức nên P dùng tay trái tát một phát vào mặt D và cầm cốc bia bằng nhựa trên tay phải đập một phát trúng vào đầu D. Thấy vậy, D đứng dậy kéo D ra ngoài và bảo D đi về. L đang ngồi, thấy D kéo D ra ngoài đã hiểu nhầm D đánh D nên đứng dậy chạy lại tóm cổ áo D và nói “Mày đánh bạn tao à”. D cũng dùng tay tóm cổ áo L nhưng không nói gì, sau đó cả hai giằng co và kéo nhau ra ngoài đường. P thấy vậy nói lại với L “D nó không đánh, người đánh là tao” đồng thời cầm chìa khóa trên tay lao vào đâm, chọc nhiều phát trúng vào mặt L. D cũng dùng tay đâm vào người, mặt L nhiều phát. B thấy L bị P và D đánh nên cũng lao vào giúp L. B dùng tay đâm vào người, mặt P và D. Lúc này, cả bốn người đánh nhau, P dùng chìa khóa xe mô tô đâm, chọc nhiều phát trúng vào mặt L và B, D dùng tay đâm L và B, L và B dùng tay đánh vào mặt, người P và D. Sau đó, bốn người tách ra, P đánh nhau với B, còn L đánh nhau với D. Thấy L bị D đánh ngã trên mặt đường nên P nhặt một viên gạch

bên lề đường loại gạch đất nung đỏ chạy đến đập một phát trúng vào đầu L. Sau đó, nhiều người dân xung quanh đến can nên bốn người dừng đánh nhau, rồi P và D đi về nhà. Còn L và B được đưa đi khám tại Bệnh viện đa khoa cuộc sống tỉnh Sơn La.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 45/KLTTCT-TTPY ngày 29/01/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Sơn La, kết luận: “Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Quàng Văn L tại thời điểm giám định là 23%”. Cơ chế hình thành thương tích vùng đầu, mặt của Quàng Văn L là do tác động của vật tày, cứng, diện tiếp xúc giới hạn gây nên.

Tại bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 46/KLTTCT-TTPY ngày 29/01/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Sơn La, kết luận: “Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Lò Văn B tại thời điểm giám định là 19%”. Cơ chế hình thành thương tích vùng đầu, mặt của Lò Văn B là do tác động của vật tày, cứng, diện tiếp xúc giới hạn gây nên.

Ngày 16/12/2024 Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La ra công văn số: 02/2024/CV-TA yêu cầu Trung tâm pháp y- Sở y tế tỉnh Sơn La giải thích Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 45/KLTTCT-TTPY và số: 46/KLTTCT ngày 29/01/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Sơn La, đều kết luận: Cơ chế hình thành thương tích vùng đầu, mặt của Quàng Văn L, Lò Văn B là do tác động của vật tày, cứng, diện tiếp xúc giới hạn gây nên. Trong vụ án này, bị cáo Quàng Văn D (dùng tay đánh), đề nghị Trung tâm pháp y tỉnh Sơn La giải thích rõ việc Quàng Văn D dùng tay đánh có phải là do tác động của vật tày, cứng, diện tiếp xúc giới hạn gây nên hay không?.

Tại công văn số: 101/TTPY-CV Công văn phúc đáp của Trung tâm pháp y- Sở y tế tỉnh Sơn La phúc đáp và lời giải thích của giám định viên tại phiên tòa ngày 08/01/2025 như sau: Tại thời điểm giám định Trung tâm Pháp y xác định vùng đầu, vùng mặt của anh Lò Văn B và anh Quàng Văn L có nhiều vết thương đang giai đoạn đóng vảy, khô, các vết thương có kích thước nhỏ, chiều dài từ 02cm trở xuống, chiều rộng từ 01 cm trở xuống, do đó Trung tâm pháp y không thể xác định và tách riêng tỷ lệ phần trăm thương tích của từng đối tượng gây nên cho anh Lò Văn B và anh Quàng Văn L là bao nhiêu phần trăm.

Căn cứ biên bản ghi lời khai của Lò Văn B và Quàng Văn L và các chứng cứ do cơ quan điều tra thu thập xác định: Quàng Văn P dùng chìa khóa và dùng tay và, Quàng Văn D dùng tay đánh bị hại anh B và anh L. Vì vậy Trung tâm Pháp y xác định cơ chế hình thành các thương tích là do vật tày cứng, diện tiếp xúc giới hạn gây nên.

Tại phiên tòa Giám định viên khẳng định: Việc Quàng Văn D dùng tay đánh anh Lò Văn B và anh Quàng Văn L cũng được coi là vật tày cứng nhưng chỉ ở một số vị trí như: Khuỷu tay khi gấp, gót chân, mặt trước cẳng chân, bàn tay khi nắm lại các phần nhô ra cao nhất của xương ở phần khớp bàn ngón tay, các khớp L đốt ngón tay được xác định là vật tày cứng vì ở các vị trí này chỉ có một lớp da mỏng và bên dưới là nền xương cứng, còn các vị trí khác mà có nhiều phần mềm

dưới da như cân, cơ, tổ chức mỡ có độ co giãn, đàn hồi tốt thì được xác định là vật tày hoặc vật tày mềm.

Tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án, các bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Lời khai của các bị cáo phù hợp với: Lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả điều tra, phù hợp thông báo kết quả giải quyết nguồn tin, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, biên bản xem xét dấu vết trên thân thể, kết luận giám định, công văn phúc đáp của Trung tâm giám định pháp y về giải thích Kết luận giám định, ý kiến của giám định viên tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị hại anh Quảng Văn L, anh Lò Văn B, lời khai của chị Lương Thị N và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định:

Giữa các bị cáo và các bị hại anh Quảng Văn L, anh Lò Văn B không có mâu thuẫn từ trước, nguyên nhân do hiểu nhầm anh Quảng Văn D đánh anh Quảng Văn D nên anh Quảng Văn L đứng dậy chạy lại túm cổ áo Quảng Văn D và nói “*Mày đánh bạn tao à*”. D cũng dùng tay túm cổ áo anh L nhưng không nói gì, sau đó cả hai giằng co và kéo nhau ra ngoài đường dẫn đến sự việc xô sát đánh nhau gây thương tích. P thấy vậy nói lại với anh L “*D nó không đánh, người đánh là tao*” đồng thời cầm chìa khóa trên tay lao vào đâm, chọc nhiều phát trúng vào mặt anh L. D cũng dùng tay đâm vào người, mặt L nhiều phát. Anh B thấy anh L bị P và D đánh nên cũng lao vào giúp anh L. Anh B dùng tay đâm vào người, mặt P và D. Lúc này, cả bốn người đánh nhau, P dùng chìa khóa xe mô tô đâm, chọc nhiều phát trúng vào mặt anh L và anh B, D dùng tay đâm anh L và anh B, anh L và anh B dùng tay đánh vào mặt, người P và D. Sau đó, bốn người tách ra, P đánh nhau với anh B, còn anh L đánh nhau với D. Thấy anh L bị D đánh ngã trên mặt đường nên P nhặt một viên gạch bên lề đường loại gạch đất nung đỏ chạy đến đập một phát trúng vào đầu anh L.

Quảng Văn P đã có hành vi dùng chìa khóa xe mô tô là hung khí nguy hiểm nhằm gây thương tích đâm, chọc nhiều phát trúng vào mặt anh L và anh B. Dùng một viên gạch bên lề đường loại gạch đất nung đỏ chạy đến đập một phát trúng vào đầu anh L.

Quảng Văn D đã dùng tay đâm nhằm gây thương tích cho anh L và anh B. Hậu quả gây thương tích cho bị hại anh Quảng Văn L với tổng tỷ lệ thương tật do thương tích gây ra là 23%, gây thương tích cho bị hại anh Lò Văn B với tổng tỷ lệ thương tật do thương tích gây ra là 19% nên các bị cáo Quảng Văn P, Quảng Văn D phải cùng chịu trách nhiệm chung với hành vi này gây ra.

Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do bột phát, trong vụ án này mặc dù các bị cáo Quảng Văn P, Quảng Văn D cùng thực hiện tội phạm nhưng hành vi của các bị cáo do nhất thời phạm tội, giữa các bị cáo không có sự phân công, bàn bạc, rủ rờ, lôi kéo tham gia đánh nhau, nguyên nhân do bị hại Quảng Văn L tấn công trước, thời điểm các bị cáo phạm tội trời tối nên tầm nhìn bị hạn chế, các bị cáo

hướng về phía anh L, anh B để tấn công không xác định vị trí cụ thể, mục đích nhằm gây thương tích cho anh L, anh B. Các bị cáo và anh L, anh B đã chủ động dừng lại không tấn công lẫn nhau nữa.

Hành vi của các bị cáo Quảng Văn P dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho các bị hại đã phạm tội Cố ý gây thương tích với tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự. Do đó bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu truy tố bị cáo Quảng Văn P là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Quảng Văn D khi tham gia đánh nhau giữa Quảng Văn D và Quảng Văn P không có sự bàn bạc, phân công vai trò, trách nhiệm cụ thể cho từng người. Mà "Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác" là cấu thành vật chất nên phải xác định mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả xảy ra, để đánh giá vai trò của từng bị cáo phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Trong vụ án này, các bị cáo đều là người thực hành, bị cáo Quảng Văn P là người trực tiếp dùng hung khí nguy hiểm là 01 chìa khóa xe mô tô chọc nhiều phát trúng vào mặt anh L và anh B, và dùng 01 viên gạch đập một phát trúng vào đầu anh L. Gây thương tích cho anh L là 23%, gây thương tích cho anh B với là 19%. Sự việc diễn ra nhanh chóng, việc bị cáo Quảng Văn P tự ý giấu 01 chìa khóa xe mô tô gây thương tích cho anh L và anh B, dùng 01 viên gạch gây thương tích cho anh L thì bị cáo Quảng Văn D không biết. Đây là hành vi vượt quá của người thực hành và cấu thành tình tiết định khung tăng nặng theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự, chỉ được áp dụng riêng với bị cáo Quảng Văn P.

Như vậy, bị cáo Quảng Văn D không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của bị cáo Quảng Văn P, mà bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về hậu quả xảy ra tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho anh L là 23%, cho anh B với là 19% theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự " Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 11% đến 30%". Do đó việc truy tố, xét xử bị cáo về tội cố ý gây thương tích theo điểm b khoản 2 Điều 134 BLHS là có căn cứ, đúng quy định.

[3]. **Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:** Hành vi phạm tội của các bị cáo Quảng Văn P, Quảng Văn D thuộc trường hợp nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do thân thể của công dân, quyền bất khả xâm phạm về sức khỏe của con người được pháp luật bảo vệ, hành vi của các bị cáo gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm nào đúng, việc làm nào sai và phải biết cố gắng lao động, rèn luyện, phẩm chất đạo đức để trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Lẽ ra, khi xảy ra mâu thuẫn với các bị hại, nếu các bị cáo biết kiểm chế bản thân và lựa chọn cách cư xử phù hợp thì hậu quả sẽ không xảy ra.

Các bị cáo chỉ vì bị anh Quảng Văn L gây sự trước nên các bị cáo đã tấn công lại không xác định vị trí cụ thể, chỉ cố ý làm cho anh L, anh B bị thương. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự xem thường sức khỏe của người khác. Do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi trái pháp luật do mình gây ra và cần lên mức án tương xứng với mức độ, hành vi của các bị cáo, để đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng cho từng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, vai trò đồng phạm của các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Sau khi phạm tội các bị cáo và gia đình đã tích cực bồi thường, khắc phục hậu quả là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra các bị cáo sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ văn hóa nhận thức, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, các bị cáo phạm tội có phần lỗi của các bị hại, được các bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình sinh sống tại địa phương luôn chấp hành tốt đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Bị cáo Quảng Văn P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề nhẹ hơn được áp dụng theo Điều 134 của Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Về vai trò đồng phạm: Các bị cáo phạm tội độc lập, giữa các bị cáo không có sự phân công, bàn bạc, rủ rê, lôi kéo tham gia đánh nhau do đó không có đồng phạm.

[4] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, của bị cáo Quảng Văn P, Quảng Văn D và gia đình, bị hại anh Quảng Văn L, anh Lò Văn B đề nghị cho bị cáo Quảng Văn P, Quảng Văn D được hưởng mức phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Hội đồng xét xử, thấy rằng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu, ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định để cơ quan có thẩm quyền giám sát, giáo dục. Xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội bởi bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo

hưởng mức án phạt tù cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội, cho các bị cáo cơ hội cải tạo ngoài cộng đồng cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung, đồng thời cũng thể hiện chính sách pháp luật nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước, thể hiện đường lối xét xử nghiêm trị kết hợp giáo dục cải tạo nên áp dụng khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú và gia đình trực tiếp giám sát, giáo dục. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[5] Bị cáo Quảng Văn D đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, do bị cáo được Tòa án tuyên hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cho nên mọi biện pháp ngăn chặn đang áp dụng phải được hủy bỏ do vậy Hội đồng xét xử Hủy bỏ Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú đảm bảo đúng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo Quảng Văn P đang bị tạm giam, bị cáo bị xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nên bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác vận dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Đối với hành vi của anh Quảng Văn L và anh Lò Văn B đã có hành vi dùng tay đánh vào người, mặt P và D. Hậu quả, D bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 3% dưới mức truy cứu trách nhiệm hình sự, còn P không để lại thương tích. Do đó, hành vi của Quảng Văn L và Lò Văn B không đủ yếu tố cấu thành tội phạm Cố ý gây thương tích theo quy định tại Điều 134 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, hành vi các đối tượng L, B đã gây mất trật tự tại khu dân cư, gây thương tích cho người khác là vi phạm điểm a khoản 1, điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị định số: 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội. Do vậy, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phạt tiền đối với Quảng Văn L, Lò Văn B là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7] Đối với hành vi của Quảng Văn D dùng tay tát nhẹ vào mặt P không nhằm mục đích gây thương tích cho P mà chỉ muốn trêu đùa do nhầm tưởng P là Quảng Văn L (*bạn của D*). Quá trình điều tra xác định D không tham gia đánh nhau với P mà đi về nhà trước. Do đó, không đủ căn cứ xem xét trách nhiệm về hành vi vi phạm pháp luật đối với Quảng Văn D.

[8] Về bồi thường dân sự:

Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Quảng Văn P bồi thường các khoản tiền viện phí, mất thu nhập, tổn thất tinh thần..... cho bị hại anh Quảng

Văn L với tổng số tiền: 15.000.000 đồng. Bị hại anh Quảng Văn L đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu bị cáo Quảng Văn P bồi thường chi phí gì khác.

Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Quảng Văn P bồi thường các khoản tiền viện phí, mất thu nhập, tổn thất tinh thần..... cho bị hại anh Lò Văn B với tổng số tiền: 15.000.000 đồng. Bị hại anh Lò Văn B đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu bị cáo Quảng Văn P bồi thường chi phí gì khác.

Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Quảng Văn D bồi thường các khoản tiền viện phí, mất thu nhập, tổn thất tinh thần..... cho bị hại anh Quảng Văn L với tổng số tiền: 5.000.000 đồng. Bị hại anh Quảng Văn L đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu bị cáo Quảng Văn D bồi thường chi phí gì khác.

Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Quảng Văn D bồi thường các khoản tiền viện phí, mất thu nhập, tổn thất tinh thần..... cho bị hại anh Lò Văn B với tổng số tiền: 5.000.000 đồng. Bị hại anh Lò Văn B đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu bị cáo Quảng Văn D bồi thường chi phí gì khác.

Chấp nhận việc chị Lương Thị N không yêu cầu bị cáo Quảng Văn P bồi thường một chiếc cốc bằng nhựa (loại cốc dùng để uống nước), màu trắng, có quai cầm, đường kính miệng cốc 8,0cm, đường kính đáy cốc 6,0 cm, cốc cao 12,0 cm đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Quảng Văn P.

(Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 590 Bộ luật dân sự).

[9] Vật chứng vụ án:

Đối với một viên gạch màu đỏ, bị vỡ mép đầu, làm bằng đất nung dùng để xây nhà, viên gạch có chiều dài 20,0 cm; chiều rộng: 10,0 cm; dày: 5,0cm; khối lượng: 1,6 kg, một mép đầu bị vỡ là công cụ, phương tiện dùng vào việc đánh nhau trong vụ án này và không có giá trị sử dụng cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với một chiếc cốc bằng nhựa (*loại cốc dùng để uống nước*), màu trắng, có quai cầm; đường kính miệng cốc: 8,0 cm; đường kính đáy cốc: 6,0 cm; cốc cao: 12,0 cm, đã qua sử dụng là tài sản của chị Lương Thị N. Chị Nhất không có yêu cầu lấy lại chiếc cốc này cần chấp nhận do đó cần tịch thu tiêu hủy.

(Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự).

[10] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo Quảng Văn P là hộ nghèo, các bị cáo đều có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQS14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[11] Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ vào điểm d khoản 3 Điều 134; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự; khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo Quàng Văn P phạm tội: Tội Cố ý gây thương tích.

Xử phạt bị cáo Quàng Văn P 36 (Ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/01/2025).

Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Quàng Văn P, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 134; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Quàng Văn D phạm tội: Tội Cố ý gây thương tích.

Xử phạt bị cáo Quàng Văn D 24 (Hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/01/2025).

Giao các bị cáo Quàng Văn P, Quàng Văn D cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục. Gia đình các bị cáo Quàng Văn P, Quàng Văn D có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục các bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về bồi thường dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 590 Bộ luật dân sự tuyên:

Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Quàng Văn P bồi thường các khoản tiền viện phí, mất thu nhập, tổn thất tinh thần..... cho bị hại anh Quàng Văn L với tổng số tiền: 15.000.000 đồng. Bị hại anh Quàng Văn L đã nhận đủ số tiền này và không có yêu cầu bị cáo Quàng Văn P bồi thường chi phí gì khác.

Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Quàng Văn P bồi thường các khoản tiền viện phí, mất thu nhập, tổn thất tinh thần..... cho bị hại anh Lò Văn B với tổng số tiền: 15.000.000 đồng. Bị hại anh Lò Văn B đã nhận đủ số tiền này và không có yêu cầu bị cáo Quàng Văn P bồi thường chi phí gì khác.

Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Quàng Văn D bồi thường các khoản tiền viện phí, mất thu nhập, tổn thất tinh thần..... cho bị hại anh Quàng

Văn L với tổng số tiền: 5.000.000 đồng. Bị hại anh Quảng Văn L đã nhận đủ số tiền này và không có yêu cầu bị cáo Quảng Văn D bồi thường chi phí gì khác.

Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Quảng Văn D bồi thường các khoản tiền viện phí, mất thu nhập, tổn thất tinh thần..... cho bị hại anh Lò Văn B với tổng số tiền: 5.000.000 đồng. Bị hại anh Lò Văn B đã nhận đủ số tiền này và không có yêu cầu bị cáo Quảng Văn D bồi thường chi phí gì khác.

Chấp nhận việc chị Lường Thị N không yêu cầu bị cáo Quảng Văn P bồi thường một chiếc cốc bằng nhựa (loại cốc dùng để uống nước), màu trắng, có quai cầm, đường kính miệng cốc 8,0cm, đường kính đáy cốc 6,0 cm, cốc cao 12,0 cm đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Quảng Văn P.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên tiêu hủy:

+ 01 viên gạch màu đỏ, bị vỡ mép đầu, làm bằng đất nung dùng để xây nhà. Viên gạch có chiều dài 20,0cm, chiều rộng 10,0cm, dày 5,0cm, khối lượng 1,6kg.

+ 01 chiếc cốc bằng nhựa (loại cốc dùng để uống nước), màu trắng, có quai cầm, đường kính miệng cốc 8,0cm, đường kính đáy cốc 6,0cm, cốc cao 12,0cm đã qua sử dụng.

(Mô tả chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/9/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Thuận Châu và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Châu).

4. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQS14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Quảng Văn P, Quảng Văn D.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự : Các bị cáo Quảng Văn P, Quảng Văn D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh Quảng Văn L, anh Lò Văn B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Lường Thị N được kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu (02 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Công an huyện Thuận Châu;
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- UBND xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La;
- Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Sơn La;
- Người bào chữa;
- Các bị cáo;
- Các bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Tiến Hải